

Bản án số: 369/2025/DS-PT

Ngày: 20/5/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng

Bà Ngô Tuyết Băng

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đỗ Hưng Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2025/DS-PT ngày 24/3/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2024/DS-ST ngày 31/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2025/QĐXX-PT ngày 02/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977;

Trú tại: số A ngõ G Phố V, phường V, quận B, Hà Nội; Ủy quyền cho ông Lương Văn B, sinh năm 1996; Địa chỉ: số B ngõ G đường H, phường B, quận T, Hà Nội; (Giấy ủy quyền công chứng lập ngày 06/5/2024).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bá M, sinh năm 1963;

Trú tại: Thôn T, xã N, Đ, Hà Nội;

Ủy quyền cho bà Vũ Thị T, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ A T, Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (văn bản ủy quyền công chứng ngày 08/10/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Huy C, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn T, xã N, Đ, Hà Nội. (vắng mặt)

3.2. Bà Dương Thị L1, sinh năm 1964. Trú tại: Thôn T, xã N, Đ, Hà Nội. (vắng mặt)

3.3. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1975. Địa chỉ: D Nhà N Khu G, 2HA, phường V, B, Hà Nội. (xin xét xử vắng mặt)

(Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn; nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Văn L và ông Trần Huy C có quan hệ bạn bè nên ngày 16.3.2012 ông L có cho ông C vay 600.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền, số tiền cho ông C vay là do ông L vay của chị gái là bà Nguyễn Thị L2.

Hết 10 ngày, Ông lại cho ông C vay tiếp lần thứ hai. Ngày 12.7.2012 hai bên viết giấy vay tổng cộng 1.100.000.000 đồng. Trong văn bản này, ông C hẹn vay trong 1 tháng, tự nguyện trả lãi cho ông L là 2.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày và cam kết trả cả tiền gốc, tiền lãi cho ông L trong vòng 1 tháng. Tuy nhiên, sau đó ông C cũng không trả tiền gốc, tiền lãi cho ông L theo giấy đã viết.

Do bị đòi tiền nhiều lần, ngày 17/10/2012, ông C viết giấy hẹn đến hết ngày 13/11/2012 sẽ trả 500.000.000 đồng, hết tháng 11 đến đầu tháng 12/2012 có trách nhiệm trả nốt cho 600.000.000 đồng, kèm theo số lãi hàng tháng như đã thỏa thuận với nhau (trước đó, ngày 12/07/2012, ông C tự nguyện hứa trả tiền lãi là 2.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày). Giấy có hiệu lực cho đến khi ông C hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay cho tôi. Mặc dù cam kết như vậy, nhưng ông C vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 14/05/2013, tại nhà ông Nguyễn Bá M đang ở tại thôn T, xã N, huyện Đ. Ông C và ông M đã tự nguyện đề nghị để ông M nhận nợ toàn bộ số tiền 1.100.000.000 đồng ông C đã vay, ông M tự viết giấy Cam kết nhận nợ, ký vào giấy cam kết nhận nợ. Trong đó ông M cam kết sẽ trả hết số tiền 1,1 tỷ đồng gốc vào ngày 14/08/2013 và cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm với ông L và pháp luật đối với toàn bộ khoản vay của ông C đối với ông. Ông L đồng ý để ông M nhận nợ theo đề nghị này của ông C và ông M và mang giấy Cam kết nhận nợ của ông M ra về. Ông Nguyễn Bá M sau đó cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy Cam kết nhận nợ.

Từ tháng 9/2014 đến nay, tổng số tiền bên vay đã trả là: 422.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi hai triệu đồng). Việc chuyển tiền được thực hiện qua chuyển khoản. Ông L xác định số tiền đã trả là trả tiền nợ gốc. Như vậy, số tiền gốc còn nợ đến thời điểm này là 678.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ kiện ông L có sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Huy C, chỉ yêu cầu khởi kiện với ông Nguyễn Bá M và thay đổi mức lãi suất áp dụng để tính lãi phải trả.

Ông L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội giải quyết những yêu cầu sau đây đối với người bị kiện:

1. Buộc ông Nguyễn Bá M phải trả cho ông số tiền gốc đã vay còn lại 678.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi tám triệu đồng)
2. Buộc ông Nguyễn Bá M phải trả cho ông số tiền lãi phát sinh trên gốc đã vay còn lại 678.000.000 đồng, tiền lãi tính theo mức lãi suất 9%/năm trên số nợ gốc còn chưa trả, kể từ ngày 12/7/2012 cho đến trả xong.

Bị đơn ông Nguyễn Bá M trình bày:

Ông và anh C (con rể) cùng kinh doanh (phân phối) bia rượu nước giải khát tại nhà ông đang ở bây giờ.

Do nhu cầu cần vốn nên tôi có nói với anh C vay cho ông ít tiền, C đồng ý và vay của ông Nguyễn Văn L số tiền 1,1 tỷ đồng. Ông M khẳng định là anh C vay hộ ông. Khi C vay tiền, C có nói với L về việc tôi vay hay không thì tôi không rõ, nhưng chắc chắn C không nói thì L mới cho vay.

Tiền lãi tính là 2000đ/triệu/ngày nhưng có thời hạn vay. Khi C vay có giấy nhưng không thể hiện trong giấy vay là tiền lãi như thế mà chỉ thỏa thuận miệng. Thời điểm vay không nhớ.

Khi vay tiền của ông C bà L1, vợ ông, không có mặt tại Việt Nam. Việc vay tiền chỉ 2 bố con ông biết. Do bị thua lỗ không ông không trả được đầy đủ tiền gốc, nhưng trả đủ tiền lãi theo thỏa thuận. Tiền lãi do ông và anh C trực tiếp trả (được 4-5 tháng). Vì không trả được lãi nên ông đã đứng ra viết giấy nhận nợ thay cho C và nêu trong giấy vay là chỉ trả gốc không trả lãi. Giấy nhận nợ ngày 14.5.2013 do ông viết và ký. Ông thừa nhận nội dung này là đúng sự thật. Ông nhận nợ lại của anh C thực chất là nợ của ông. Ông xác nhận số tiền nợ gốc của anh C chưa trả cho ông L là đúng.

Số tiền anh C và chị L2 chuyển qua tài khoản cho ông L đã có trong hồ sơ là tiền trả gốc, không phải tiền trả lãi. Số tiền nợ gốc của tôi được tính là 1,1 tỷ trừ đi số tiền anh C đã chuyển sau khi có giấy nhận nợ thì còn lại khoảng 600 triệu đồng.

Ông thừa nhận giờ tôi chỉ nợ tiền gốc như ông L nêu, còn tiền lãi ông không có nghĩa vụ phải trả vì không có thỏa thuận trả lãi.

Số tiền nợ gốc chỉ mình ông có trách nhiệm trả, vợ ông (bà Dương Thị L1, sinh năm 1964) không biết, không sử dụng số tiền này và không liên quan, không có nghĩa vụ trả tiền.

Đến nay ông C không có nghĩa vụ trả tiền vì đã chuyển giao nghĩa vụ cho ông. Ông L đã đồng ý nên nghĩa vụ phát sinh 2 bên với nhau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Huy C trình bày:

Trước đây bố vợ Ông là ông Nguyễn Bá M - sinh năm 1963 có mở đại lý kinh doanh, buôn bán rượu bia, nước giải khát. Do làm ăn thua lỗ, thiếu vốn lấy hàng nên có nhờ ông đứng ra vay tiền để có thêm vốn đầu tư kinh doanh. Ông có quen Ông Nguyễn Văn L và đặt vấn đề vay hộ ông M. Sau đó ông L báo lại là sẽ cho vay với lãi suất 2000đ/1 triệu/1 ngày (lãi suất hai nghìn đồng trên một triệu một ngày). Ông đã trao đổi lại với ông Nguyễn Bá M, ông M đã đồng ý. Sau các lần vay, trả lại, rồi vay lại, tổng số tiền ông C đứng tên vay hộ là 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng). Mọi giao dịch về nhận, thanh toán lãi ông Nguyễn Bá M nhờ ông C đứng tên, thực hiện. Trong thời gian vay, lãi vay ông C vẫn gửi ông Nguyễn Văn L đầy đủ theo thỏa thuận, số tiền lãi trung bình phải trả cho anh L khoảng 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng) trên một tháng. Tuy nhiên tài liệu chứng cứ về việc trả lãi không có. Sau một thời gian dài trả lãi cao và việc kinh doanh không thuận lợi, ông Nguyễn Bá M đã nhờ ông trao đổi với ông Nguyễn Văn L xin giảm lãi suất vay nhưng không được chấp thuận.

Sau đó Ô và ông Nguyễn Bá M đã thống nhất về trách nhiệm trả nợ, cách thức trả nợ khoản tiền đã vay của ông L. Từ năm 2014 đến nay đã chuyển tiền cho ông L làm nhiều lần.

Về yêu cầu của ông Nguyễn Văn L yêu cầu tôi và ông Nguyễn Bá M phải thanh toán số tiền gốc nợ là 678.000.000đ (sáu trăm bảy mươi tám triệu đồng) thì chúng tôi chấp thuận việc trả số nợ gốc trên theo hình thức trả dần hàng tháng sau khi ông Nguyễn Bá M ổn định sức khỏe và gia đình có thể thu xếp được tài chính. Riêng số tiền lãi ông L yêu cầu là 1.710.495.547 đồng chúng tôi không chấp thuận vì đã thỏa thuận với ông L và được chấp thuận là chỉ trả gốc theo số tiền đã vay. Bên cạnh đó trong các giấy vay nợ, nhận nợ cũng chỉ rõ số tiền gốc vay mà không có thông tin về lãi suất. Do vậy ông L yêu cầu trả nợ số tiền lãi trên là không có cơ sở.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 trình bày:

Ngày 16/03/2012 Bà có giao cho anh Trần Huy C, sinh ngày 29/07/1983 vay số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Khi nhận tiền anh Trần Huy C có cam kết với sau 10 ngày kể từ ngày nhận tiền sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả lại Bà toàn bộ số tiền, nếu đến thời hạn mà không hoàn trả sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Giấy nhận tiền do anh Trần Huy C ký. Toàn bộ số nợ gốc và lãi suất phát sinh đối với số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) Bà chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu đối với khoản vay trên đã cho ông Trần Huy C vay ngày 16/03/2012 sang cho ông Nguyễn Văn L

Ông L được toàn quyền yêu cầu ông Trần Huy C phải thanh toán tiền theo giấy nhận tiền ngày 16/03/2012.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L1 trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Bá M, năm 2010, Bà đi xuất khẩu lao động. Năm 2012 ông M có nhờ anh C con rể vay tiền hộ để làm ăn nhưng việc làm ăn của ông M không liên quan. Khi ông M nhờ anh C con rể vay tiền của bà L2 và ông L thì B1 không biết. Bà không sử dụng số tiền vay đó, cũng không được hưởng lợi từ việc vay vốn làm ăn. Sau này được ông M nói về khoản tiền vay này. Quan điểm của Bà là không liên quan đến khoản vay này cũng như lãi phát sinh nên Bà không có trách nhiệm trả riêng với ông M số tiền này. Bà về Việt Nam từ Tết Âm lịch năm 2024. Bà xin được giải quyết vắng mặt.

Bà Trần Thị H (là vợ ông Nguyễn Văn L) trình bày:

Tôi là vợ anh Nguyễn Văn L, tôi được biết từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2012, anh L có cho anh Trần Văn C1 vay số tiền là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) để anh C1 lấy vốn làm ăn, kinh doanh bia và nước giải khát. Số tiền này anh L vay từ chị gái là chị Nguyễn Thị L2. Số tiền 1.100.000.000 đồng anh L cho anh C1 vay trước khi kết hôn với tôi, tôi không có đóng góp hay liên quan gì đến số tiền anh L cho anh C1 vay. Nay anh L khởi kiện đòi lại số tiền đã cho vay thì mọi thủ tục, vấn đề liên quan trong quá trình giải quyết vụ án hoàn toàn do anh L quyết định và thực hiện tại tòa. Số tiền gốc và tiền lãi đòi được trong quá trình giải quyết vụ án anh L được toàn quyền quyết định và sử dụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2024/DS-ST Ngày: 31/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã được sửa đổi bổ sung của ông Nguyễn Văn L đối với ông Nguyễn Bá M yêu cầu trả tiền gốc vay còn chưa trả.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với ông Trần Huy C do ông Nguyễn Văn L đã thay đổi yêu cầu khởi kiện.

Chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi trong hạn và tiền lãi do chậm trả gốc của ông Nguyễn Văn L với ông Nguyễn Bá M.

Buộc Ông Nguyễn Bá M phải thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn L 3 số tiền 678.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi tám triệu đồng) tiền gốc vay còn chưa trả.

Buộc Ông Nguyễn Bá M phải thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 945.297.616 đồng tiền lãi (chín trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Trong đó lãi vay trong hạn: 82.997.260 đồng; lãi phát sinh do chậm trả tiền gốc: 862.300.356 đồng.

Tổng cộng hai khoản là 1.623.297.616 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu hai trăm chín bảy nghìn sáu trăm mười sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Bá M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn chưa trả cho đến khi trả xong theo mức lãi suất 9% năm.

Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm ông Nguyễn Bá M kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Đại diện uỷ quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo của ông M theo quy định của pháp luật, do ông M là người cao tuổi, đang điều trị chữa bệnh nên đề nghị miễn án phí đối với ông M.

Nguyên đơn, người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản gửi Tòa án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định.

- Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn về nội dung tranh chấp là không có cơ sở nên không chấp nhận. Do ông M là Người Cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm số 205 ngày 31/7/2024 của TAND huyện Đ miễn án phí đối với ông M.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định, đương sự không kháng cáo nhưng xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1]. Bị đơn ông M kháng cáo về việc ông không nhận được bất kỳ thông báo nào sau khi thông báo xét xử :

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm lần 2, tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn xin hoãn phiên tòa của chị Nguyễn Thị L2 - người đại diện theo ủy quyền của ông M với lý do để chăm sóc ông M đang đi cấp cứu, gia đình chỉ có mình chị. Tuy nhiên, theo giấy nhập viện do chị L2 cung cấp, ông M nhập viện từ ngày 26/7/2024 (trước ngày mở phiên tòa 5 ngày). Như vậy, chị L2 vắng mặt không thuộc trường hợp trở ngại khách quan hoặc trường hợp bất khả kháng nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa, tiếp tục xét xử là đúng quy định.

[2.2]. Căn cứ hồ sơ vụ án, lời khai các đương sự xác định:

Theo các giấy vay tiền lập ngày 16/3/2012, ngày 12/7/2012 thể hiện anh Trần Huy C vay 1.100.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn L. Ngày 17/10/2012, anh C viết giấy hẹn đến hết ngày 13/11/2012 sẽ trả 500.000.000 đồng, hết tháng 11 đến đầu tháng 12/2012 trả nốt cho 600.000.000 đồng, kèm theo sổ lãi hàng tháng như đã thỏa thuận với nhau (trước đó, ngày 12/07/2012, anh C tự nguyện hứa trả tiền lãi là 2.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày). Tuy nhiên, sau đó anh C không trả tiền gốc, tiền lãi cho ông L theo cam kết.

Tại Tòa án, các bên đương sự thừa nhận các khoản tiền anh C đứng tên vay theo giấy vay tiền ngày 12/7/2012 thực chất là vay hộ cho ông Nguyễn Bá M (bố vợ anh C) để kinh doanh.

Ngày 14/05/2013, ông Nguyễn Bá M tự nguyện viết Giấy cam kết nhận nợ số tiền 1.100.000.000 đồng do anh C đã vay của ông Nguyễn Văn L và cam kết trả hết nợ vào ngày 14/8/2013. Các nội dung trong giấy cam kết nhận nợ được ông M, ông L, anh C xác định đúng. Ông M cũng xác định việc nợ tiền của ông L và ông M đã sử dụng các khoản vay nêu trên vào mục đích kinh doanh nhưng bị thua lỗ dẫn đến không trả nợ theo giấy Cam kết nhận nợ.

Xét thấy, việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền thể hiện tại các Giấy vay tiền, Giấy cam kết nhận nợ nêu trên được lập thành văn bản, các bên tự nguyện ký tên nên về hình thức là hợp pháp. Về nội dung thỏa thuận ghi trong các Giấy vay tiền, Giấy cam kết nhận nợ do các bên hoàn toàn tự nguyện, tại thời điểm giao kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023, ông Nguyễn Văn L yêu cầu ông Nguyễn Bá M và anh Trần Huy C phải liên đới thanh toán trả cho ông tiền gốc và lãi. Ngày 16/1/2024, nguyên đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Trần Huy C, rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần thời gian chịu lãi do chậm thanh toán tiền gốc từ 14/5/2013 đến 14/8/2013. Mức lãi đề

ngiht áp dụng cho cả tiền lãi trong hạn, tiền lãi do chậm trả gốc là 9%/năm. Thời gian chịu lãi do chậm trả gốc trả cho đến khi trả xong tiền nợ gốc trên số tiền nợ gốc chưa trả.

Cấp sơ thẩm xác định khoản tiền vay thực chất do anh C vay hộ cho ông M và ông M đã ký giấy cam kết nhận nợ ngày 13/5/2013 nên bị đơn trong vụ kiện là ông Nguyễn Bá M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trần Huy C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3]. Xét thấy, ông Nguyễn Bá M thừa nhận ngày 14/5/2013 tự nguyện viết Giấy cam kết nhận nợ số tiền 1.100.000.000 đồng đã vay của ông Nguyễn Văn L và cam kết trả hết nợ vào ngày 14/8/2013.

Theo bảng kê trả nợ do nguyên đơn xuất trình thể hiện đến ngày 21/1/2023, bị đơn mới trả được 422.000.000 đồng nợ gốc, ngoài ra chưa trả được khoản tiền nào khác. Tại Tòa án, ông M, anh C cũng thừa nhận mới trả 422.000.000 đồng nợ gốc cho ông L, còn nợ gốc của nguyên đơn là 678.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 18/10/2023 ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là còn trong thời hiệu khởi kiện.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông M phải trả nợ gốc 678.000.000 đồng cho ông L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4]. Xét kháng cáo của bị đơn ông M cho rằng việc vay tiền không thể hiện lãi vay, ông M bị ông L ép trả lãi vay 2000đ/01tr/01 ngày, hàng tháng phải trả 66.000.000đ, nên ông không chấp nhận trả nợ lãi, tuy nhiên ông M không xuất trình được chứng cứ chứng minh.

Anh C cho rằng khi vay 1.100.000.000 đồng nêu trên là có lãi. Ông Nguyễn Bá M cho rằng sau khi nhận lại khoản nợ (ngày 14/5/2013) thì khoản vay không còn có lãi. Ông M và anh C cho rằng đã trả lãi nhiều tháng theo mức lãi 2000 đồng/triệu/ngày nhưng các đương sự thừa nhận việc trả không có giấy biên nhận, không nhớ rõ là đã trả bao nhiêu tiền nên không có cơ sở để xác định bên vay đã trả bao nhiêu tiền lãi cho bên cho vay trước ngày 14/5/2013, không có căn cứ xem xét chấp nhận.

Như đã phân tích nêu trên, ông M, anh C thừa nhận khoản vay 1.100.000.000 đồng của ông L là anh C vay hộ cho ông Nguyễn Bá M để kinh doanh và ông Nguyễn Bá M đã nhận lại nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết nhận nợ ngày 14/05/2013 đã được ông L đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ nên ông M phải chịu trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ 1.100.000.000 đồng. Nguyên đơn, Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị áp dụng mức tiền lãi với mức lãi suất là 9%/năm với toàn bộ khoản tiền gốc đã chậm trả và chưa trả tính lãi từ ngày 12/7/2012 cho đến khi trả xong khoản nợ gốc còn chưa trả, đồng thời rút yêu cầu tính lãi từ ngày 14/5/2013 đến 14/8/2013.

Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn tính lãi đối với khoản tiền vay và tính lãi chậm trả theo lãi suất cơ bản mức 9%/năm là phù hợp với quy định Điều 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN của Ngân hàng N về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam ngày 29/11/2010; Nghị quyết số 01 ngày

11/01/2019 của Hội Đồng Thẩm Phán Tòa Án Nhân Dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận.

Mặt khác về mức lãi áp dụng, thời gian tính lãi, số tiền gốc yêu cầu tính lãi có lợi cho bị đơn, phù hợp với các giấy tờ vay tiền, cam kết nhận nợ và các tài liệu chứng cứ về thanh toán tiền gốc nên được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, cụ thể:

Số tiền gốc ông Nguyễn Bá M còn nợ là 678.000.000 đồng.

Số tiền lãi phải trả được xác định theo số tiền gốc chưa trả, tiền gốc còn phải trả x lãi suất 9%/ 365 ngày x thời gian chưa trả (4168 ngày, từ ngày 12/7/2012 đến ngày 25/7/2024) = 945.297.616 đồng.

Cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Bá M phải trả cho ông Nguyễn Văn L tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.623.297.616 đồng là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm ông M không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình nên không được chấp nhận.

[2.5]. Đối với bà Dương Thị L1 là vợ ông Nguyễn Bá M xác nhận không biết, không liên quan việc vay nợ giữa ông M, anh C với ông L, không sử dụng số tiền vay nên không chịu trách nhiệm trả với ông M về khoản nợ này. Bà Trần Thị H là vợ ông Nguyễn Văn L xác định đây là tiền riêng của ông L, bà H không có tranh chấp, mọi vấn đề liên quan đến số tiền trên do ông L tự quyết định.

Cấp sơ thẩm xác định buộc ông M thanh toán trả nợ gốc và lãi cho ông L là phù hợp.

[2.6]. Quan điểm của đại diện VKSND Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Tại cấp phúc thẩm, ông M có đơn xin miễn án phí.

Xét thấy, ông Nguyễn Bá M, sinh năm 1963 là Người cao Tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ quy định của Luật Người Cao tuổi; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên ông M được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ vào các Điều 121; 122; 123; 124; 471; 474; 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 2 Luật Người Cao tuổi; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bá M. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Hà Nội và Quyết định như sau:

[1]. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với anh Trần Huy C do ông Nguyễn Văn L đã thay đổi yêu cầu khởi kiện.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã được sửa đổi bổ sung của ông Nguyễn Văn L đối với ông Nguyễn Bá M về việc yêu cầu trả tiền nợ gốc vay, yêu cầu trả tiền lãi trong hạn và tiền lãi do chậm trả gốc theo Giấy cam kết nhận nợ ngày 14/05/2013 và các giấy vay tiền.

[3]. Buộc ông Nguyễn Bá M phải thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn L tổng số tiền 1.623.297.616 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu hai trăm chín bảy nghìn sáu trăm mười sáu ngàn đồng). Gồm:

- Số tiền nợ gốc 678.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi tám triệu đồng).
- Số tiền lãi 945.297.616 đồng (chín trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Trong đó lãi vay trong hạn: 82.997.260 đồng; lãi phát sinh do chậm trả tiền gốc: 862.300.356 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí:

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 39.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0007352 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, Hà Nội.

- Bị đơn ông Nguyễn Bá M được miễn án phí dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TP Hà Nội;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP

Vũ Toàn Giang

